

NGHỊ QUYẾT
Thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2024

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 9

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét Báo cáo số 166/BC-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2024; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2024, với nội dung cụ thể như sau:

Tổng số vốn đầu tư công dự kiến kế hoạch năm 2024 là 4.496,48 tỷ đồng (Bốn nghìn bốn trăm chín mươi sáu tỷ, bốn trăm tám mươi triệu đồng), bao gồm:

- Nguồn vốn ngân sách tỉnh: 2.449,42 tỷ đồng, trong đó:
 - Vốn cân đối ngân sách địa phương (NSDP): 691,42 tỷ đồng;
 - Vốn sử dụng đất (SDĐ): 183 tỷ đồng;
 - Vốn xổ số kiến thiết (XSKT): 1.530 tỷ đồng;
 - Nguồn bội chi ngân sách địa phương (vốn nước ngoài tỉnh vay lại của Chính phủ): 45 tỷ đồng.
- Nguồn vốn ngân sách Trung ương: 2.047,06 tỷ đồng, trong đó:
 - Vốn trong nước: 1.895,06 tỷ đồng, gồm:
 - Vốn NSTW hỗ trợ có mục tiêu đầu tư theo ngành, lĩnh vực: 1.023,149 tỷ đồng;

- Vốn NSTW hỗ trợ có mục tiêu đầu tư các dự án trọng điểm, dự án có tính liên kết vùng: 640 tỷ đồng;

- Vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia: 231,911 tỷ đồng, gồm:

+ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 144,571 tỷ đồng;

+ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 2,97 tỷ đồng;

+ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 84,37 tỷ đồng.

2.2. Vốn nước ngoài: 152 tỷ đồng.

(Đính kèm Phụ lục I, II, III và IV)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X - kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2023./. *KW*

Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ;
- Các Bộ: KH và ĐT, TC;
- Ban Công tác đại biểu - UBND;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- TT.TU, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở, ngành: KH và ĐT, TC, TP, KBNN, Cục thuế, Cục Thống kê tỉnh;
- TT. HĐND, UBND cấp huyện;
- Đài PT-TH, Báo Trà Vinh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

CHỦ TỊCH



Kim Ngọc Thái



Phụ lục I

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Đã bố trí kế hoạch vốn năm 2021	Đã bố trí kế hoạch vốn năm 2022	Đã bố trí kế hoạch vốn năm 2023	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 còn lại	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	18.523.587	3.189.398	3.877.897	4.097.233	7.436.659	4.496.480	
I	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH	11.458.788	2.155.741	2.121.841	2.394.395	4.864.411	2.449.420	
1	Vốn cân đối ngân sách địa phương (NSDP)	3.328.988	626.541	626.541	658.495	1.417.411	691.420	
2	Vốn sử dụng đất (SDĐ)	870.800	200.000	133.800	150.000	387.000	183.000	
3	Vốn xổ số kiến thiết (XSKT)	7.259.000	1.319.000	1.350.000	1.530.000	3.060.000	1.530.000	
4	Nguồn bội chi ngân sách địa phương (vốn nước ngoài tỉnh vay lại của Chính phủ)		10.200	11.500	55.900		45.000	
II	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	7.064.799	1.033.657	1.756.056	1.702.838	2.572.248	2.047.060	

KV

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Đã bố trí kế hoạch vốn năm 2021	Đã bố trí kế hoạch vốn năm 2022	Đã bố trí kế hoạch vốn năm 2023	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 còn lại	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú
1	Vốn trong nước	6.523.888	966.350	1.725.756	1.599.545	2.232.237	1.895.060	
	<i>Trong đó:</i>							
1.1	Hỗ trợ có mục tiêu đầu tư theo ngành, lĩnh vực	4.422.500	866.350	1.294.401	1.150.300	1.111.449	1.023.149	
1.2	Hỗ trợ có mục tiêu đầu tư các dự án trọng điểm, dự án có tính liên kết vùng	1.180.000	100.000	220.000	220.000	640.000	640.000	
1.3	Các Chương trình Mục tiêu Quốc gia	921.388	-	211.355	229.245	480.788	231.911	
-	<i>Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>	555.084		109.740	141.905	303.439	144.571	
-	<i>Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững</i>	9.754		845	2.970	5.939	2.970	
-	<i>Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</i>	356.550		100.770	84.370	171.410	84.370	
2	Vốn nước ngoài (NSTW cấp phát)	540.911	67.307	30.300	103.293	340.011	152.000	

KW